

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Nguyễn Hoàng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXX-ST ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chang Ping Y, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tầng 3, số C, ngõ V, đoạn 1, đường K, xóm N, phường Q, quận H, R, Đ.

Chị Chang Ping Y ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn M, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Chang Ping Y (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh N kết hôn trên tinh thần tự nguyện ngày 25/7/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh N đến Văn phòng Kinh Tế Văn Hóa Đ tại Hà Nội phỏng vấn để cùng sang Đ nhưng không được. Sau đó chị về Đ làm việc, do anh N không sang Đ đoàn tụ được nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Nay chị xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: anh, chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: anh, chị không có công nợ, tài sản chung.

Theo bản tự khai ngày 18/12/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Chang Ping Y về Đ sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 5/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Kể từ tháng 6/2020 đến nay anh và chị Chang Ping Y không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Chang Ping Y.

Về con chung: anh, chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: anh, chị không có công nợ, tài sản chung.

Tại phiên tòa, chị Chang Ping Y, anh Nguyễn Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Chang Ping Y, anh Nguyễn Văn N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: chị Chang Ping Y khởi kiện xin ly hôn anh N. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: chị Chang Ping Y là nguyên đơn hiện đang sinh sống tại Đ, anh N là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Chang Ping Y, anh N.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chang Ping Y và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị Chang Ping Y khởi kiện xin ly hôn anh N.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Chang Ping Y với anh N, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh N, chị Chang Ping Y chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Đến nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xác định vợ chồng anh N, chị Chang Ping Y không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chang Ping Y với anh N là hoàn toàn phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị Chang Ping Y, anh N không có.

[7]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị Chang Ping Y, anh N không có.

[8]. Về án phí: Chị Chang Ping Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Chang Ping Y đang cư trú tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1

Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Chang Ping Y được ly hôn Anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Chị Chang Ping Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000041 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Chang Ping Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Chang Ping Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện N, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc